

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 05- 2023

V/v: “Kiện ly hôn,
tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Hương

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Trúc

2. Bà Trương Thị Tuyết

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Thào Thị Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện B.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19/05/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2023/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST – DS ngày 27/04/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giàng A - sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Bị đơn: Chị Sùng Thị K - sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn K, xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Giàng A trình bày: Anh Giàng A và chị Sùng Thị K tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Trong quá trình

sống chung anh Giàng A và chị Sùng Thị K có nhiều quan điểm bất đồng chị Sùng Thị K thường xuyên đi làm ăn xa không về nhà chăm sóc, nuôi dạy con cái, anh Giàng A khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Sùng Thị K không thay đổi. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2016 chị Sùng Thị K bỏ về nhà mẹ đẻ ở tại Thôn K, xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai, anh Giàng A và chị Sùng Thị K sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay không có quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế, mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Đến nay anh Giàng A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Sùng Thị K để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống anh Giàng A và chị Sùng Thị K có hai con chung cháu Giàng Thị C, sinh ngày 27/8/2006 và Giàng Thị K, sinh ngày 09/2/2009. Khi ly hôn anh Giàng A có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Giàng Thị C và cháu Giàng Thị K đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Giàng A không yêu cầu chị Sùng Thị K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh Giàng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Sùng Thị K: Sau khi Toà án thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho chị Sùng Thị K nhưng chị Sùng Thị K đã từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, Tòa án đã tiến hành mời ông Chảo Láo Tả là trưởng Thôn K, xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai đến nhà chị Sùng Thị K chứng kiến và lập biên bản về việc chị Sùng Thị K từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và chị Sùng Thị K cũng không có văn bản trả lời về việc anh Giàng A có đơn xin ly hôn, tranh chấp về nuôi khi ly hôn, chị Sùng Thị K cũng không đến toà án làm bản tự khai và không tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ. Vì vậy Toà án đã đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành các thủ tục tố tụng đầy đủ đúng quy định pháp luật; Nguyên đơn thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ chối các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Giàng A như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Giàng A và chị Sùng Thị K là quan hệ vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Giàng Thị C, sinh ngày 27/8/2006 và cháu Giàng Thị K, sinh ngày 09/2/2009 cho anh Giàng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Sùng Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Giàng A.

Về tài sản: Anh Giàng A không yêu cầu giải quyết.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Giàng A không tham gia hòa giải, nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hoà giải theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Sùng Thị K vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A và chị Sùng Thị K tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2004, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Trong quá trình sống chung anh Giàng A và chị Sùng Thị K có nhiều quan điểm bất đồng chị Sùng Thị K thường xuyên đi làm ăn xa không về nhà chăm sóc, nuôi dạy con cái, anh Giàng A khuyên bảo nhiều lần nhưng chị Sùng Thị K không thay đổi. Trong quá trình chung sống từ năm 2016 cho đến nay chị Sùng Thị K về nhà mẹ đẻ ở Thôn K, xã L, huyện B từ đó đến nay anh Giàng A và chị Sùng Thị K đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Đến nay anh Giàng A xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Sùng Thị K. Anh Giàng A và chị Sùng Thị K không đăng ký kết hôn mà sống chung như vợ chồng là trái pháp luật vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình cần

tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Giàng A và chị Sùng Thị K là quan hệ vợ chồng.

Tại đơn đề nghị xác nhận quan hệ hôn nhân ngày 31/01/2023 của anh Giàng A đã được Ủy ban nhân dân xã T, xác nhận anh Giàng A và chị Sùng Thị K về chung sống từ năm 2004 từ đó đến nay chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh Giàng A và chị Sùng Thị K có 02 con chung là cháu Giàng Thị C, sinh ngày 27/8/2006 và cháu Giàng Thị K, sinh ngày 09/2/2009. Khi ly hôn anh Giàng A có nguyện vọng để anh Giàng A được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Giàng Thị C, Giàng Thị K và các cháu cũng có nguyện vọng được ở với anh Giàng A. Tại đơn xác nhận mức thu nhập của Giàng A ngày 31/01/2023 được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận mức thu nhập của Giàng A tại địa phương là từ 100.000đồng đến 150.000đồng/1 ngày. Như vậy xét nguyện vọng của anh Giàng A, cháu Giàng Thị C, cháu Giàng Thị K là hoàn toàn tự nguyện có căn cứ cần chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Anh Giàng A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Giàng A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 3; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa anh Giàng A và chị Sùng Thị K là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng Thị C, sinh ngày 27/8/2006 và cháu Giàng Thị K, sinh ngày 09/2/2009 cho anh Giàng A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị Sùng Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi chị Sùng Thị K con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Giàng A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002363 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Xác nhận anh Giàng A đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

4. Quyền kháng cáo: Anh Giàng A và chị Sùng Thị K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKS huyện BX
- Các đương sự;
- THADS;
- UBND xã T
- UBND xã L
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Hương